

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/DS-PT

Ngày: 25-9-2024

*V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Tô Như

Các Thẩm phán: Ông Mai Đình Thuận

Bà Lê Thị Tân

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Mai Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2024/TLPT-DS ngày 09/9/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số: 60/2024/DS-ST ngày 07/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Thọ Xuân bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/2024/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Hương X, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

+ Ông Phạm Thế K, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số B H M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

+ Bà Trần Hồng N, sinh năm 1993; Địa chỉ: Đầu P, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng (có mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

- *Do có kháng cáo của bị đơn:*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 5 năm 2024 cũng như qua khai báo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa chị H và chị X có quan hệ quen biết, chị X có nhiều lần vay tiền của chị H để làm ăn, các lần vay trước đều đã thanh toán xong. Vào ngày 14/01/2024, chị X có đến nhà chị H vay số tiền 436.000.000 đồng, chị X có viết giấy vay tiền ghi ngày 14/01/2024 giao chị H giữ. Trong giấy vay tiền có ghi rõ lãi suất là 1%/tháng. Sau khi vay tiền chị X mới trả được 2 tháng tiền lãi, mỗi tháng là 4.360.000 đồng. Đến tháng 4/2024 chị H cần tiền để lo công việc gia đình có gặp trực tiếp chị X yêu cầu trả nợ gốc, ban đầu thì chị X đồng ý trả nợ, nhưng sau đó vẫn không trả nợ. Chị H đã tìm gặp nhiều lần, nhưng chị X cố tình trốn tránh, không hợp tác. Vì vậy chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị X phải trả nợ cho chị H số tiền nợ gốc 436.000.000 đồng và tiền lãi tính từ 01/4/2024 đến khi thanh toán xong khoản nợ, theo lãi suất là 1%/tháng.

Tại phiên tòa bà H có ý kiến xác nhận nội dung sau khi chị H khởi kiện thì chị X có chuyển khoản trả nợ cho chị H được tổng số tiền 52.000.000 đồng, trong đó: Ngày 16/6/2024 trả 2.000.000 đồng, ngày 17/6/2024 trả 50.000.000 đồng. Chị H xác nhận số tiền bà X trả nợ, sau khi trừ đi số tiền lãi phải trả hàng tháng, thì được khấu trừ vào số nợ gốc. Vì vậy chị H có ý kiến xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc, theo đó chị H chỉ yêu cầu bà X trả số tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là chị Lê Thị Hương X trình bày:

Chị X và chị H là hàng xóm với nhau, chị H có nhiều lần gửi tiền cho chị làm ăn. Chị X xác nhận có vay tiền của chị H nhiều lần. Ngày 14/01/2024 theo yêu cầu của chị H chốt số nợ, chị có viết giấy vay tiền chị H với số tiền 436.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng. Sau khi chốt nợ, hàng tháng chị đều trả lãi cho chị H số tiền 4.360.000 đồng, đã trả hết tháng 3/2024. Đến tháng 5/2024 chị H khởi kiện thì chị dừng không trả lãi suất. Ngày 11/6/2024 chị H có gọi chị sang nhà thỏa thuận và thống nhất lại khoản vay, chị H bảo giờ khó khăn, nên tạo điều kiện cho gia đình chị bán nhà trả nợ, chị H chỉ lấy nợ 300.000.000 đồng. Sau đó gia đình chị đã trả cho chị H được tổng số tiền 52.000.000 đồng như chị H trình bày là đúng. Như vậy, hiện chị chỉ còn nợ chị H số tiền là 248.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng là anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Vào đầu tháng 06/2024 anh được biết gia đình anh H1, chị X muốn bán nhà và có treo biển bán nhà tại khu A, thị trấn L. Anh có hỏi mua thì hai bên có thống nhất mua bán nhà đất với nhau. Chị H biết tin có nhờ anh giữ lại hộ chị H 300.000.000 đồng từ tiền bán nhà đất của anh H1, chị X. Sau khi được ông H1, bà

X đồng ý và có ký giấy thỏa thuận với nội dung: Sau khi việc mua bán hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, anh sẽ thay anh H1, chị X chuyển cho chị H 300.000.000 đồng, thì anh có ký giấy thỏa thuận. Đến nay việc mua bán đất giữa anh với vợ chồng anh H1, chị X chưa hoàn tất thủ tục sang tên, nên anh chưa thực hiện việc chuyển tiền cho chị H theo thỏa thuận. Ngoài ra anh T không có ý kiến gì khác.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2024/DS-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X1: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Bùi Thị H.

Buộc chị Lê Thị Hương X phải trả nợ cho chị Bùi Thị H tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 07/8/2024 là 401.661.009 đồng, trong đó: Nợ gốc 395.037.369 đồng, nợ lãi 6.623.640 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 22/8/2024, bị đơn chị Lê Thị Hương X kháng cáo với nội dung: Xem xét lại khoản nợ thực tế chị đã vay của chị H. Khoản tiền lãi suất chị phải trả. Tiền án phí chị phải chịu.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên không có thỏa thuận được với nhau về những nội dung tranh chấp nên đề nghị xét xử theo pháp luật.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Thư ký đều tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định theo hướng: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị Hương X; Sửa bản án sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 07/8/2024 của TAND huyện Thọ Xuân: Buộc chị Lê Thị Hương X phải trả cho chị Bùi Thị H số tiền 397.301.009 đồng (trong đó: nợ gốc 395.037.369 đồng, nợ lãi 2.263.640 đồng). Tiền án phí DSST chị X phải nộp 19.865.050 đồng.

Về án phí DSPT: Bị đơn Lê Thị Hương X không phải phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì án bị cải sửa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến, tranh luận của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các bên không có thỏa thuận được với nhau về các nội dung tranh chấp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo:

[2.1]. Đối với kháng cáo xem xét khoản nợ thực tế chị X vay của chị H: Giấy vay tiền ghi ngày 14 tháng 01 năm 2024 có nội dung có ghi nhận việc chị Lê Thị Hương X có vay của chị Bùi Thị H số tiền 436.000.000 đồng, thời hạn vay tiền là từ ngày 14/01/2024, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng; giấy vay tiền có chữ ký của người cho vay tiền là Bùi Thị H, người vay tiền là Lê Thị Hương X. Quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị H và chị Lê Thị Hương X thừa nhận nội dung trong giấy vay tiền và xác nhận về chữ viết, chữ ký của bà H và bà X. Do đó, có cơ sở xác định chị X có vay nợ của chị H số tiền là 436.000.000 đồng. Sau khi chị H khởi kiện thì chị X đã trả nợ được số tiền 52.000.000 đồng. Tuy nhiên giữa chị H và chị X chưa thống nhất với nhau đây là số tiền trả nợ gốc hay tiền trả lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thống nhất trong số tiền 52.000.000đ sẽ được trừ vào tiền lãi chưa thanh toán, còn lại bao nhiêu sẽ được trừ vào tiền gốc. Tiền gốc bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 395.037.369 đồng.

[2.2]. Đối với nội dung kháng cáo liên quan đến số tiền lãi chị X phải trả: Bị đơn đề nghị nguyên đơn chỉ tính tiền lãi trên số tiền 436.000.000 đồng - 72.000.000 đồng (số tiền này bị đơn nhận trả nợ hộ cho chị V) còn 364.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không nhất trí nên cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc là 395.037.369 đồng.

- Tiền lãi theo thỏa thuận phải thanh toán từ ngày 01/4/2024 đến ngày 17/6/2024 (02 tháng 17 ngày): $436.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} \times 12\%/năm = 11.037.369 \text{ đồng}$

Số tiền còn lại trả vào nợ gốc: $52.000.000 \text{ đồng} - 11.037.369 \text{ đồng} = 40.962.631 \text{ đồng}$.

Số tiền nợ gốc còn lại: $436.000.000 \text{ đồng} - 40.962.631 \text{ đồng} = 395.037.369 \text{ đồng}$.

- Lãi suất từ ngày 17/6/2024 tính đến ngày xét xử 07/8/2024 (01 tháng 21 ngày): $395.037.369 \text{ đồng} \times (01 \text{ tháng } 21 \text{ ngày}) \times 12\%/năm = 6.623.640 \text{ đồng}$

Tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất cho bị đơn 01 tháng tiền lãi, được trừ vào số tiền lãi là $6.623.640 \text{ đồng} - 4.360.000 \text{ đồng} = 2.263.640 \text{ đồng}$. Như vậy bị

đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 2.263.640 đồng, kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3]. Đối với nội dung kháng cáo liên quan đến số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà X phải nộp: 20.066.400 đồng. Do số tiền bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn có giảm nên án phí chị X phải nộp là: 19.865.050 đồng nên kháng cáo của chị X là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị X. Theo đó sửa bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân. Buộc chị X phải trả cho chị H số tiền gốc là: 395.037.369 đồng và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là: 2.263.640 đồng. Tổng cộng: 397.301.009 đồng. Tiền án phí DSST chị X phải nộp là 19.865.050 đồng.

Bản án tuyên về nghĩa vụ thi hành án: Buộc chị X phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất 12%/năm là không chính xác nên cần sửa lời tuyên.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị X được chấp nhận nên chị X không phải chịu án phí phúc theo quy định của pháp luật. Số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp được trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** Khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Hương X.

Sửa bản án sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

*** Áp dụng:** khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự; khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị H.

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc chị Lê Thị Hương X phải trả nợ cho chị Bùi Thị H tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 07/8/2024 là: 397.301.009 đồng (ba trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm linh một nghìn, không trăm linh chín đồng), trong đó: Nợ gốc 395.037.369 đồng, nợ lãi 2.263.640 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Hương X phải nộp 19.865.050 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đ

theo biên lai số 0005179 ngày 29/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Chị X còn phải nộp 19.565.050 đồng (mười chín triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm năm mươi đồng).

3. Án phí phúc thẩm: Chị Lê Thị Hương X không phải nộp án phí DSPT.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trách nhiệm, nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ gốc phải trả thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền nợ gốc chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND H. Thọ Xuân;
- VKSND H. Thọ Xuân;
- Chi cục THADS H. Thọ Xuân;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Tố Như